

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG BẠCH**

Số: 492a/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bạch, ngày 31 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách
xã Quảng Bạch quý II năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG BẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của HĐND xã Quảng Bạch về giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Quảng Bạch v/v giao dự toán ngân sách xã Quảng Bạch năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Quảng Bạch tại Tờ trình số 223a/TTr-KT ngày 27/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách của xã Quảng Bạch quý II năm 2026 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Kho bạc nhà nước Khu vực VII - Phòng giao dịch số 7 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính; (B/cáo)
- Như Điều 3 (T/hiện)
- TT. Đảng ủy, TT HĐND xã; (B/cáo)
- LĐ UBND xã;
- LĐ VP HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ma Chí Hiếu



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 492a/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

			Ước thực hiện		So sánh (%)	
STT	NỘI DUNG	Dự toán	Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG SỐ	54.319.000.000	17.632.946.129	26.718.615.198	49%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54.319.000.000	17.632.946.129	26.718.615.198	49%	
I	Chi đầu tư phát triển	2.230.000.000	4.377.465.131	4.377.465.131	196%	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	2.230.000.000	4.377.465.131	4.377.465.131	196%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	50.857.000.000	13.255.480.998	22.341.150.067	44%	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.912.000.000	3.443.879.973	8.592.106.521	45%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	1.232.000.000			0%	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính gián biên chế					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ 2 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 492a/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.400.000.000	229.437.422	3.730.518.515	266%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.400.000.000	229.437.422	475.642.249	34%	
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	54.319.000.000	24.712.421.148	57.339.905.957	106%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.258.000.000	224.393.853	3.691.305.369	293%	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		238.060.680	3.628.366.547		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		-13.666.827	62.938.822		
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	53.061.000.000	13.300.000.000	27.460.564.000	52%	
1	Bổ sung cân đối	39.994.000.000	10.300.000.000	20.200.000.000	51%	
2	Bổ sung có mục tiêu	13.067.000.000	3.000.000.000	7.260.564.000	56%	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.179.536.093	26.179.545.386		
V	Thu kết dư		8.491.202	8.491.202		
C	TỔNG CHI NSDP	54.319.000.000	17.632.946.129	26.718.615.198	49%	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	54.319.000.000	17.632.946.129	26.718.615.198	49%	
1	Chi đầu tư phát triển	2.230.000.000	4.377.465.131	4.377.465.131	196%	
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	50.857.000.000	13.255.480.998	22.341.150.067	44%	
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	1.232.000.000				
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 2 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 492a/QĐ-UBND ngày 31/7/2026 của UBND xã Quảng Bạch)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện so (%)	
			Phát sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.400.000.000	229.437.422	3.730.518.515	266%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.400.000.000	229.437.422	475.642.249	34%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo		80.992	80.992		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	363.000.000	105.848.610	126.362.565	35%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000	7.399.617	43.377.025	62%	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	407.000.000	110.076.346	166.048.859	41%	
	Trước: Lệ phí trước bạ	258.000.000	101.158.346	150.769.859	58%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	310.000.000	-18.198.520	81.958.012	26%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000.000		18.432	2%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	9.000.000	3.000.480	3.000.480	33%	
-	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000	-21.199.000	78.939.100	26%	
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	250.000.000	24.230.377	57.814.796	23%	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		224.393.853	3.691.305.369		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP		-13.666.827	62.938.822		
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		238.060.680	3.628.366.547		